

Bản án số: **32/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/7/2022.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hùng và bà Cao Thị Chuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thái Hà -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2022/TLST- HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hà Quang T, sinh năm 199x.

Bị đơn: Chị Đàm Hải N, sinh năm 199x.

Cùng địa chỉ: Thôn Y, xã M, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 4 năm 2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hà Quang T trình bày:

Anh T và chị Đàm Hải N đăng ký kết hôn ngày 20/10/201x tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau.... Mâu thuẫn đã được vợ chồng và hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 không còn quan tâm đến nhau. Đến nay anh T xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Đàm Hải N.

* Về nuôi con: Anh T và chị N có một con chung là cháu Hà Gia B, sinh ngày 24/7/201x. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai anh T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu B và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

* Về chia tài sản, nợ chung: Anh Hà Quang T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08 tháng 4 năm 2022, chị Đàm Hải N trình bày: Chị N xác định ngày tháng năm, địa điểm kết hôn và những nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như lời anh T trình bày là đúng, chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 không còn quan tâm đến nhau, đến nay tình cảm vợ chồng đã hết, anh T có yêu cầu ly hôn chị cũng nhất trí.

* Về nuôi con: Chị N xác nhận có một con chung với anh T là cháu Hà Gia B, sinh ngày 24/7/201x. Ly hôn, chị đồng ý để anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu B cho đến khi đủ 18 tuổi, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.500.000đồng/01tháng.

* Về chia tài sản, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn - chị Đàm Hải N có hộ khẩu thường trú tại thôn Yên Minh, xã B, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Tại phiên tòa, nguyên đơn - anh T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn - chị N vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật TTDS 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Hà Quang T và chị Đàm Hải N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân các đương sự xác nhận là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã... Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị N đến hòa giải, nhưng chị N không đến, thể hiện chị N không có thiện chí hòa giải. Từ đó, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh T, chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh Hà Quang T là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

[3] *Về nuôi con*: Anh T và chị N có một con chung, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc nuôi con nhưng chị N không đến làm việc nên Tòa án không hòa giải được. Xét nguyện vọng của anh T về việc muốn được nuôi con, HĐXX thấy: Cháu B hiện nay đang ở cùng anh Thiện, mặt khác tại bản tự khai chị N cũng đã thể hiện ý kiến của mình là đồng ý giao cháu B cho anh T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do đó cần giao cháu Hà Gia B cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với ý chí của các đương sự và phù hợp quy định của pháp luật.

Về mức cấp dưỡng: Chị N có ý kiến trình bày tại bản tự khai là có nguyện vọng được cấp dưỡng nuôi cháu B số tiền 1.500.000đồng /1 tháng, tuy nhiên anh T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, nên được chấp nhận.

[4] *Về chia tài sản, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147; các Điều 227; 228; 238; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Hà Quang T được ly hôn với chị Đàm Hải N.

2. Về nuôi con: Giao cháu Hà Gia B, sinh ngày 24/7/2018 cho anh Hà Quang T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi. Chị Đàm Hải N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Hà Quang T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã

nộp theo biên lai số AA/2021/0000231 ngày 19/04/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Xác nhận anh Thiện đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Hà Quang T, chị Đàm Hải N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản bản được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- VKSND thành phố Yên Bái;
- Các đương sự (02);
- Chi cục THADS thành phố Yên Bái;
- UBND xã N, h. Trấn Yên, Tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁶⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông
(Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà)

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà).....⁽⁷⁾

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân⁽⁸⁾..... tham gia phiên toà:

Ông (Bà).....-Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁹⁾ tại

xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án thụ lý số:...../...../TLST-.....⁽¹¹⁾
ngày..... tháng..... năm..... về tranh chấp.....⁽¹²⁾

theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST
ngày..... tháng..... năm..... giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:⁽¹³⁾

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:⁽¹⁴⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:⁽¹⁵⁾

2. Bị đơn:⁽¹⁶⁾

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:⁽¹⁷⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:⁽¹⁸⁾

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn).⁽¹⁹⁾.....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.⁽²⁰⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.⁽²¹⁾

4. Người làm chứng⁽²²⁾

5. Người giám định.⁽²³⁾

6. Người phiên dịch.⁽²⁴⁾

NỘI DUNG VỤ ÁN: ⁽²⁵⁾

.....
.....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN: ⁽²⁶⁾

[1]

[2]

[3]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào.....⁽²⁷⁾

⁽²⁸⁾.:

.....⁽²⁹⁾
